

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **54/2020/KDTMST**

Ngày: 16/11/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng xây
dựng (thi công chống thấm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Mai Thị Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Tiến

Ông Trần Quốc Khánh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Bích Thủy - CBTA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 20/2020/TLST-KDTM ngày 11/3/2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng thi công chống thấm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2020/QĐXX-ST ngày 25/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 126/2020/QĐST-HPT ngày 29/10/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ Kỹ Thuật Nam Phát

Địa chỉ: Số 14 Liên kê 11, KĐT Văn Khê, đường Tô Hữu, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đoàn Thị Lan – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc Trung, sinh năm 1989; Ông Nguyễn Anh Đức, sinh năm 1997. Theo giấy ủy quyền ngày 01/3/2020 của Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ Kỹ Thuật Nam Phát. Có mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng An Hưng Phát Việt Nam

Địa chỉ: số 20/127 ngõ 63 đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Diệp Minh Triền – Giám đốc

HKTT: P 12A01-V1 CT9 KĐT mới Văn Phú, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Căn hộ 12B08, V3, CT9 KĐT mới Văn Phú, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày và bản tự khai Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Nam Phát và Công ty An Hưng Phát Việt Nam ký và thực hiện Hợp đồng thi công số 1103/2016/HĐKT/AHT-NAT ngày 11/3/2016 với nội dung Bên A

giao và bên B nhận cung cấp vật tư và thi công hạng mục chống thấm các hạng mục bao gồm: chống thấm, vệ sinh mái, ban công, bể nước của gói thầu hoàn thiện cơ bản công trình bệnh viện Vinmec Hạ Long theo nội dung công việc và đơn giá như trong các hợp đồng trên. Tổng giá trị Hợp đồng là: 781.598.376 đồng (Bảy trăm tám mươi mốt triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Nam Phát đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng là thi công theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, đúng tiến độ ...và đã thực hiện việc xuất hoá đơn GTGT theo yêu cầu Công ty An Hưng Phát.

Ngày 01/07/2016, hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ qua đó xác nhận công nợ tính đến ngày 01/07/2016 Công ty An Hưng Phát còn nợ Công ty Nam Phát số tiền là: 702.670.673 đồng (Bảy trăm linh hai triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng).

Tiếp đó, đến ngày 31/07/2016, hai bên tiếp tục lập biên bản đối chiếu công nợ qua đó xác nhận công nợ tính đến ngày 31/07/2016 Công ty An Hưng Phát còn nợ Công ty Nam Phát số tiền là: 552.670.673 đồng (Năm trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng).

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 08/2018 Công ty An Hưng Phát mới chỉ 08 lần chuyển khoản thanh toán cho Công ty Nam Phát với tổng số tiền là: 340.000.000 (Ba trăm bốn mươi triệu đồng) cụ thể:

- Ngày 15/12/2015 thanh toán 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);
- Ngày 15/06/2017 thanh toán 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);
- Ngày 22/06/2017 thanh toán 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);
- Ngày 13/07/2017 thanh toán 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng);
- Ngày 13/09/2017 thanh toán 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);
- Ngày 18/10/2017 thanh toán 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);
- Ngày 10/11/2017 thanh toán 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);
- Ngày 31/08/2018 thanh toán 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 30/11/2018, khi Công ty Nam Phát lập Biên bản đối chiếu công nợ và công văn đề nghị Công ty An Hưng Phát thanh toán nốt số Công nợ 212.670.673 đồng (Hai trăm mười hai triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng) thì không nhận được bất cứ phản hồi nào từ phía Công ty An Hưng Phát.

Theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng Thi công số 1103/2016/HĐKT/AHT-NAT ký ngày 11/3/2016 thì:

“Điều 3: Thanh Toán

Tiến độ thanh toán:

- Bên A tạm ứng cho bên B 20% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng này được ký kết.

- Hàng tháng vào ngày 25 và 30 của tháng, hai bên tiến hành nghiệm thu và chốt khối lượng thi công vào bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành được chỉ huy trưởng công trình ký xác nhận hoặc khi bên B hoàn thành xong ít nhất một nội dung

công việc và được chủ đầu tư nghiệm thu. Hai bên sẽ tiến hành xác nhận khối lượng và giá trị hoàn thành. Trên cơ sở đó, bên B đệ trình cho bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm: Biên bản nghiệm thu chất lượng; khối lượng cho phần việc thanh toán; Bảng tổng hợp giá trị thanh toán của bên B (theo mẫu bên A cung cấp); Hóa đơn VAT hợp lệ của bên B; Giấy đề nghị thanh toán của Bên B).

- Căn cứ vào hồ sơ hợp lệ của bên B, trong thời gian 05 ngày kể từ khi nhận hồ sơ. Bên A sẽ thanh toán cho bên B 90% giá trị mỗi đợt sau khi trừ đi 20% tỷ lệ tạm ứng tương ứng.

Quyết toán: Thanh toán đến 100% giá trị công việc hoàn thành (sau khi trừ đi giá trị thanh toán các đợt nêu trên và các khoản khấu trừ khác nếu có), trong vòng 30 ngày sau khi bên A hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng và các công việc phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có) và được bên A xác nhận, hai bên cùng ký biên bản nghiệm thu chất lượng, bàn giao hạng mục đưa vào sử dụng và Hồ sơ thanh toán, quyết toán được bên A phê duyệt. Hồ sơ thanh, quyết toán phải được lập thành 04 (bốn) bộ gốc gồm các hồ sơ sau: Đề nghị thanh toán của bên B; Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ; Hồ sơ nghiệm thu gồm các bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành có xác nhận của các bên; Bảng tổng hợp giá trị đề nghị quyết toán; Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành gồm khối lượng hoàn thành theo hợp đồng và khối lượng phát sinh được duyệt (nếu có); Biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng; Biên bản thanh lý hợp đồng.

Bên A giữ lại 5% giá trị còn lại mỗi đợt sẽ được thanh toán sau khi hết thời gian bảo hành và bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình”.

Đến thời điểm hiện tại Công ty An Hưng Phát vẫn chưa thanh toán thêm bất kỳ lần nào cho số công nợ trên cho Công ty Nam Phát.

Mặt khác theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng Hợp đồng Thi công số 1103/2016/HĐKT/AHT-NAT ký ngày 11/3/2016 có quy định về việc phạt chậm thanh toán như sau:

“Điều 5. Phạt và Bồi thường thiệt hại Hợp đồng

5.1. Phạt chậm thi công, chậm thanh toán

.... Trong trường hợp bên A thanh toán chậm so với Điều 5 thì bên A sẽ chịu phạt 0.5% giá trị hợp đồng/ 1 ngày chậm và tổng thời gian chậm không quá 10 ngày. Từ ngày thứ 11 trở đi mà bên A vẫn chưa thanh toán thì bên B có quyền chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bên A thanh toán hết giá trị khối lượng công việc tính tới thời điểm chấm dứt cộng với giá trị phạt”.

Như vậy, ngoài việc phải thanh toán cho Công ty Nam Phát số công nợ còn lại Công ty An Hưng Phát còn phải chịu số tiền phạt tương ứng 0.5% giá trị Hợp đồng/ 1 ngày chậm/10 ngày do việc chậm thanh toán.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình Công ty Nam Phát yêu cầu Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm giải quyết những vấn đề sau đây đối với người bị kiện:

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng An Hưng Phát Việt Nam phải thanh toán cho chúng tôi tổng số tiền: 283.680.325 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, ba trăm hai mươi năm đồng) trong đó bao gồm:

+ Số tiền nợ gốc là: 212.670.673 đồng (Hai trăm mười hai triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng).

+ Số tiền tiền lãi chậm trả phát sinh từ số tiền nợ gốc từ ngày 31/8/2018 tạm tính đến ngày 01/03/2020 là: $212.670.673 \times 10\%/365 \times 548 \text{ ngày} = 31.929.734$ đồng (Ba mươi một triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm ba mươi tư đồng).

+ Số tiền phạt chậm thanh toán hợp đồng theo thỏa thuận Hợp đồng là: $781.598.376 \times 0.5\% \times 10 = 39.079.918$ đồng (Ba mươi chín triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm mười tám đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Công ty cổ phần xây dựng An Hưng Phát Việt Nam và đại diện theo pháp luật của Công ty: ông Diệp Minh Triển nhưng đều vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa án, không có ý kiến quản điểm về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cũng không cung cấp các tài liệu theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51, 170, 171, 172, 173, 175, 179, 195, 203, 205, 207, 208, 209, 210, 220, 237 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung:

Yêu cầu xác minh tại Ban quản lý dự án công trình Bệnh viện Vinmec Hạ Long, Quảng Ninh để làm rõ việc Bệnh Viện Vinmec Hạ Long đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng từ thời gian nào và đưa Ban quản lý dự án công trình Bệnh viện Vinmec Hạ Long vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án phát sinh từ hợp đồng thi công giữa Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ Kỹ thuật Nam Phát và Công ty cổ phần xây dựng An Hưng Phát Việt Nam có trụ sở: số 20/127 ngõ 63 đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Tòa án tổng đạt hợp các văn bản tố tụng cho bị đơn và đại diện theo pháp luật của bị đơn nhưng đều vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2]. Về quan hệ phát sinh tranh chấp:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ phát sinh tranh chấp là Hợp đồng thi công thuộc một trong các loại Hợp đồng xây dựng nói chung được quy định tại Luật xây dựng. Vì vậy, HĐXX áp dụng Luật xây dựng và các văn bản hướng dẫn về Luật xây dựng để giải quyết vụ án.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

****Về việc ký kết Hợp đồng thi công:***

Theo các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án:

Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ Kỹ thuật Nam Phát và Công ty cổ phần xây dựng An Hưng Phát Việt Nam có ký kết Hợp đồng thi công số 1103/2016/HĐKT/AHT-NAT ngày 11/3/2016 với nội dung Bên A giao và bên B nhận cung cấp vật tư và thi công hạng mục chống thấm các hạng mục bao gồm: chống thấm, vệ sinh mái, ban công, bể nước của gói thầu hoàn thiện cơ bản công trình Bệnh viện Vinmec Hạ Long theo nội dung công việc và đơn giá như trong các hợp đồng trên. Tổng giá trị Hợp đồng là: 781.598.376 đồng (Bảy trăm tám mươi một triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Ngoài ra trong Hợp đồng còn nêu rõ về địa điểm, thời gian thi công, thanh toán, trách nhiệm mỗi bên, phạt, bồi thường, bảo hành công trình....theo đúng quy định của Luật xây dựng.

Việc ký kết Hợp đồng thi công được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của Luật xây dựng. Căn cứ Điều 138, 139, 141 Luật xây dựng. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận Hợp đồng thi công giữa Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ Kỹ thuật Nam Phát và Công ty cổ phần xây dựng An Hưng Phát Việt Nam là có thật và hợp pháp.

**** Về yêu cầu trả tiền nợ gốc theo Hợp đồng thi công:***

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng là thi công theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, đúng tiến độ, xuất hoá đơn GTGT và lập các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 20/5/2016 và ngày 21/5/2016 theo yêu cầu của bị đơn.

Ngày 01/07/2016, hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ qua đó xác nhận công nợ tính đến ngày 01/07/2016 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: 702.670.673 đồng (Bảy trăm linh hai triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng).

Ngày 31/07/2016, hai bên tiếp tục lập biên bản đối chiếu công nợ qua đó xác nhận công nợ tính đến ngày 31/07/2016 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: 552.670.673 đồng (Năm trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng).

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 08/2018 bị đơn chuyển khoản thanh toán cho nguyên đơn 08 lần với tổng số tiền là: 340.000.000 (Ba trăm bốn mươi triệu đồng) cụ thể:

- Ngày 15/12/2015 thanh toán 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);
- Ngày 15/06/2017 thanh toán 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);
- Ngày 22/06/2017 thanh toán 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);
- Ngày 13/07/2017 thanh toán 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng);
- Ngày 13/09/2017 thanh toán 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);
- Ngày 18/10/2017 thanh toán 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);
- Ngày 10/11/2017 thanh toán 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);
- Ngày 31/08/2018 thanh toán 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 30/11/2018, nguyên đơn tiếp tục lập Biên bản đối chiếu công nợ và Công văn đề nghị bị đơn thanh toán nốt số công nợ là 212.670.673 đồng. Nhưng phía bị đơn không trả lời.

Theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng Thi công số 1103/2016/HĐKT/AHT-NAT ký ngày 11/3/2016 thì:

“Điều 3: Thanh Toán

.....

Tiến độ thanh toán:

- *Bên A tạm ứng cho bên B 20% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng này được ký kết.*

- *Hàng tháng vào ngày 25 và 30 của tháng, hai bên tiến hành nghiệm thu và chốt khối lượng thi công vào bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành được chỉ huy trưởng công trình ký xác nhận hoặc khi bên B hoàn thành xong ít nhất một nội dung công việc và được chủ đầu tư nghiệm thu. Hai bên sẽ tiến hành xác nhận khối lượng và giá trị hoàn thành. Trên cơ sở đó, bên B đệ trình cho bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm: Biên bản nghiệm thu chất lượng; khối lượng cho phần việc thanh toán; Bảng tổng hợp giá trị thanh toán của bên B (theo mẫu bên A cung cấp); Hóa đơn VAT hợp lệ của bên B; Giấy đề nghị thanh toán của Bên B).*

- *Căn cứ vào hồ sơ hợp lệ của bên B, trong thời gian 05 ngày kể từ khi nhận hồ sơ. Bên A sẽ thanh toán cho bên B 90% giá trị mỗi đợt sau khi trừ đi 20% tỷ lệ tạm ứng tương ứng.*

Quyết toán: Thanh toán đến 100% giá trị công việc hoàn thành (sau khi trừ đi giá trị thanh toán các đợt nêu trên và các khoản khấu trừ khác nếu có), trong vòng 30 ngày sau khi bên A hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng và các công việc phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có) và được bên A xác nhận, hai bên cùng ký biên bản nghiệm thu chất lượng, bàn giao hạng mục đưa vào sử dụng và Hồ sơ thanh toán, quyết toán được bên A phê duyệt. Hồ sơ thanh, quyết toán phải được lập thành 04 (bốn) bộ gốc gồm các hồ sơ sau: Đề nghị thanh toán của bên B; Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ; Hồ sơ nghiệm thu gồm các bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành có xác nhận của các bên; Bảng tổng hợp giá trị đề nghị quyết toán; Bảng tổng

hợp khối lượng hoàn thành gồm khối lượng hoàn thành theo hợp đồng và khối lượng phát sinh được duyệt (nếu có); Biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng; Biên bản thanh lý hợp đồng.

Bên A giữ lại 5% giá trị còn lại mỗi đợt sẽ được thanh toán sau khi hết thời gian bảo hành và bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình”.

Đến thời điểm hiện tại bị đơn vẫn chưa thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào đối với số công nợ trên cho nguyên đơn.

Vì vậy, căn cứ vào Điều 123, 124, 144 Luật xây dựng, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng thi công là: 212.670.673 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

**** Về yêu cầu trả lãi chậm thanh toán:***

Bị đơn vi phạm Hợp đồng đã thỏa thuận và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền là 212.670.673 đồng.

Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 146 Luật xây dựng;

Căn cứ Khoản 2 Điều 43 của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 hướng dẫn về Hợp đồng xây dựng có quy định về Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng xây dựng:

“2. Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”.

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng là 10%/năm là phù hợp. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 16/11/2020 là: 47.020.612 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

**** Về yêu cầu thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng:***

Theo Điều 5 của Hợp đồng thi công có quy định:

“Điều 5. Phạt và Bồi thường thiệt hại Hợp đồng

5.1. Phạt chậm thi công, chậm thanh toán

.... Trong trường hợp bên A thanh toán chậm so với Điều 5 thì bên A sẽ chịu phạt 0.5% giá trị hợp đồng/ 1 ngày chậm và tổng thời gian chậm không quá 10 ngày. Từ ngày thứ 11 trở đi mà bên A vẫn chưa thanh toán thì bên B có quyền chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bên A thanh toán hết giá trị khối lượng công việc tính tới thời điểm chấm dứt cộng với giá trị phạt”.

Theo Khoản 1 Điều 146 của Luật xây dựng có quy định về Thưởng, phạt hợp đồng xây dựng, bồi thường thiệt hại do vi phạm và giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng

“1. Thưởng, phạt hợp đồng xây dựng phải được các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng.”

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 146 Luật xây dựng việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 39.079.918 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

**Về quan điểm của VKS:*

Yêu cầu xác minh tại Ban quản lý dự án công trình Bệnh viện Vinmec Hạ Long, Quảng Ninh để làm rõ việc Bệnh Viện Vinmec Hạ Long đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng từ thời gian nào;

Đưa Ban quản lý dự án công trình Bệnh viện Vinmec Hạ Long vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Hội đồng xét xử thấy:

- Nội dung của Hợp đồng thi công mà hai bên ký kết là nhận cung cấp vật tư và thi công hạng mục chống thấm các hạng mục bao gồm: chống thấm, vệ sinh mái, ban công, bể nước của gói thầu hoàn thiện cơ bản công trình bệnh viện Vinmec Hạ Long. Khi ký kết hợp đồng do hai bên tự thỏa thuận không có sự tham gia của chủ đầu tư.

- Về khối lượng và giá trị hợp đồng không phụ thuộc vào chủ đầu tư.

- Về thời gian thi công, bàn giao mặt bằng, tiền tạm ứng giữa hai bên thống nhất cũng không thông qua chủ đầu tư.

- Theo thỏa thuận hai bên có thể tự nghiệm thu và chốt khối lượng thi công mà không cần thiết chủ đầu tư phải trực tiếp nghiệm thu.

- Hiện nay công trình Bệnh viện Vinmec Hạ Long đã đưa vào hoạt động từ ngày 06/12/2016. Chủ đầu tư đã hoàn thành xong nghĩa vụ mà không liên quan đến công nợ phát sinh từ nguyên đơn và bị đơn.

Xét thấy, hồ sơ đã được xác minh và thu thập các tài liệu chứng đầy đủ từ phía nguyên đơn cung cấp. Vì vậy căn cứ Điều 91, 93 Luật tố tụng dân sự HĐXX thấy không cần xác minh và đưa Ban quản lý dự án vào tham gia tố tụng. Không chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ

Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 227; Điều 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 123, 138, 139, 141, 144, 146, 147 Luật xây dựng;

Điều 43 Nghị Định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 hướng dẫn về Hợp đồng xây dựng;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ Kỹ thuật Nam Phát đối với Công ty cổ phần xây dựng An Hưng Phát Việt Nam.

2. Buộc Công ty cổ phần xây dựng An Hưng Phát Việt Nam phải thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ Kỹ thuật Nam Phát theo Hợp đồng thi công số 1103/2016/HĐKT/AHT-NAT ngày 11-3-2016 **số tiền: 298.771.203 (Hai trăm chín mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn hai trăm lẻ ba đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 212.670.673 đồng; Tiền phạt vi phạm là 39.379.918 đồng; Tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 16/11/2020 là 47.020.612 đồng và phải trả khoản lãi chậm thanh toán phát sinh cho đến ngày thực trả.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Công ty cổ phần xây dựng An Hưng Phát Việt Nam phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.938.560 đồng.

Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ Kỹ thuật Nam Phát không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ Kỹ thuật Nam Phát số tiền 16.420.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai 0009188 ngày 05/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục THA quận Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Hương